TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 228/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 31/5/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Hăng;

Ông Phan Phước Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 100/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 273/2022/QĐST-DS ngày 11/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992.

Nnơi cư trú: Tổ 08, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Vũ L sinh năm: 1995.

Nơi cư trú: 88, tổ 01, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà L, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị L trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông L là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Ông L lo ăn chơi, không quan tâm đến vợ con về tinh thần lẫn vật chất, bà là người đi làm để nuôi con. Bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông L vẫn không sửa đổi. Khoảng tháng 02/2020 bà và ông L ly thân cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, ông L cũng nhiều lần năn nỉ hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên cũng khuyên ngăn, hàn gắn nhưng không được do bà đã hết tình cảm với ông L. Nay bà xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà với ông L có 01 con chung tên: Trịnh Thị Mỹ D, sinh ngày: 26/6/2019, hiện con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, bà L thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Để đảm bảo quyền lợi của ông L Tòa án tiến hành ghi lời khai của ông nhưng khi đến nhà thì ông L đi vắng nên không tiến hành ghi lời khai ông được.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ. Cụ thể:

Qua xác minh, ông Trịnh Vũ L vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Ngoài ra, theo biên bản ghi lời khai ngày 16/3/2022, bà Võ Thị Kiều O – mẹ ruột bà L cho biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà L, ông L là do L ăn chơi, không chăm lo kinh tế gia đình, hai đứa cãi nhau thường xuyên. Bà cũng khuyên ngăn nhưng L không thay đổi, L đã bỏ đi và ly thân với L cho đến nay. Theo bà, L và L không thể sống chung được; về con chung thì có một con chung sinh năm 2019, đang sống với L; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Tại phiên tòa: Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Riêng ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà L, ông L có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung cho bà L được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do bà L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà L.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án , đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Vũ L. Ông L có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông L theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông L có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông L: Trong đời sống hôn nhân thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hòa hợp tính tình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và sống ly thân. Đều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà L, ông L.

Qua hòa giải, bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông L, còn ông L đã được tống đạt hợp lệ thông báo hòa giải những vẫn không đến tham gia hòa giải. Cho thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trịnh Thị Mỹ D, sinh ngày: 26/6/2019 còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống với bà L, để đảm bảo điều kiện cho cháu phát triển và ổn định về tâm sinh lý sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung cho bà được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận sự tự nguyện.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trịnh Vũ L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 33 ngày 12/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà L được tiếp tục nuôi con chung tên Trịnh Thị Mỹ D, sinh ngày: 26/6/2019.

Công nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006817 ngày 22/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện A (2);
- Chi cục THADS huyện A (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Các đương sự;
- UBND xã P (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang